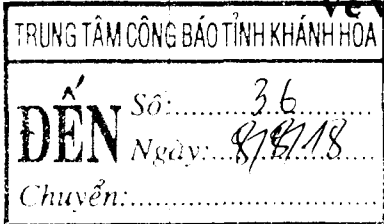


Số: 03 /2018/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý
của địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ
KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 6202/TTr-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ

hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước (đối với dự án thuộc địa phương quản lý) tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

4. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm tài sản công (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán hoặc nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) phục vụ nhiệm vụ chuyên môn từ nguồn

kinh phí được giao trong dự toán hoặc nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc phạm vi quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) giữa các Sở, ngành thuộc tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đấu giá tài sản công là: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (bao gồm cả quyền sử dụng đất), tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý; xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này).

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản công (trừ tài sản quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công (trừ tài sản quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bán tài sản công (trừ tài sản quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý.

5. Riêng tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý; xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác (trừ xe ô tô và tài sản quy định tại khoản 6 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; tài sản khác (trừ xe ô tô và tài sản quy định tại khoản 6 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thanh lý tài sản công (trừ tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và tài sản quy định tại khoản 6 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý.

6. Riêng việc thanh lý tài sản không phải là nhà làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

Đối với tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiêu hủy: cơ quan, tổ chức, đơn vị nào có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm thì cơ quan, tổ chức, đơn vị đó ra quyết định tiêu hủy.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Tài sản công thuộc thẩm quyền cấp nào quản lý và quyết định mua sắm thì cấp đó quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước đối với dự án thuộc địa phương quản lý

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khoá VI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP. HĐND, VP. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Phòng KT VBQPPL - Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Lưu: VT, KN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Thân